TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 168/2024/HC-PT
Ngày 13 tháng 3 năm 2024
V/vKhởi kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Ngọc Huynh

Các Thẩm phán: Ông Phan Văn Yên

Ông Phạm Trí Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Minh Anh- Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đức **-** Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 716/2023/TLPT-HC ngày 09 tháng 10 năm 2023 về việc "Khởi kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai".

Do bản án hành chính sơ thẩm số 88/2023/HC-ST ngày 13 tháng 7 năm 2023của Toà án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàubị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số297/2024/QĐPT-HCngày 20 tháng 02năm 2024,giữa các đương sự:

- Người khởi kiện:

1. Ông Hoàng Như V, sinh năm 1984. (vắng mặt);

2. Bà Giang Thị Thanh T, sinh năm 1988 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Tổ H, khu phố T, phường P, Thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Văn A, sinh năm 1982. (có mặt).

Địa chỉ: G B, phường A, thành phố V.

- Người bị kiện:Ủy ban nhân dân thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Địa chỉ: QL E, phường P , thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn T1, chức vụ: Chủ tịch. (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

- Ông Võ Mạnh H, chức vụ: Phó trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã P, (có mặt);

- Ông Phạm Hoàng V1, chức vụ: Chuyên viên phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã P, (có mặt);

Ông Phạm Doãn N, chức vụ: Trưởng phòng nghiệp vụ Trung tâm phát triển quỹ đất, (có mặt).

4. Bà Hồ Thị Kim A1, chức vụ: Chuyên viên Trung tâm phát triển quỹ đất (vắng mặt);

5. Ông Lê Thành T2, chức vụ: Chủ tịch UBND phường P; (vắng mặt)

6. Ông Tô Văn Q, chức vụ: Công chức địa chính - Xây dựng- Đô thị - Môi trường phường P (vắng mặt)

Người kháng cáo: Người bị kiện - Ủy ban nhân dân thị xã P, tỉnh Bả Rịa – Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện - ông Hoàng Như V, bà Giang Thị Thanh T và người đại diện theo uỷ quyền của ông V, bà T là ông Trần Văn A trình bày:

Ông Hoàng Như V, bà Giang Thị Thanh T là chủ sử dụng diện tích 2.456m^2 đất (50m^2 đất ở, 2.406m^2 đất nông nghiệp) thuộc thửa số 577 và 636, 279, tờ bản đồ 12, 63, tọa lạc tại phường P, thị xã P.

Ngày 21/10/2019 Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ban hành quyết định số 2783/QĐ-UBND về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình: Hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư P, phường P, thị xã P. Ngày 15/9/2020 UBND tỉnh B ban hành Quyết định số 2798/QĐ-UBND về việc phê duyệt giá đất cụ thể để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án: Hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư P, phường P, thị xã P. Ngày 25/4/2022 UBND thị xã P ban hành Quyết định thu hồi đất số 627/QĐ-UBND thu hồi của ông V bà T 1.248,3m^2 đất nông nghiệp, thuộc thửa đất: 577, 636, tờ bản đồ 12, tọa lạc tại phường P để thực hiện dự án: Hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư P, phường P, thị xã P. Cùng ngày, UBND thị xã P ban hành Quyết định số 634/QĐ-UBND về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, theo đó, tại tiểu mục 1, Mục I, Điều 1 của Quyết định đã bồi thường diện tích đất nông nghiệp bị thu hồi với giá 1.967.000 đồng (giá được UBND tỉnh B phê duyệt tại Quyết định số

2798/QĐ-UBND ngày 15/9/2020), đã làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi hợp pháp của ông bà.

Không đồng ý với giá theo Quyết định số 634/QĐ-UBND ngày 25/4/2022 của UBND thị xã P, ông V bà T khởi kiện, yêu cầu:

- Hủy một phần Quyết định số 634/QĐ-UBND ngày 25/4/2022 của UBND thị xã P về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho ông Hoàng Như V và bà Nguyễn Thị Thanh T3 đối với nội dung: Bồi thường đất nông nghiệp diện tích 1.248,3m^2, với đơn giá 1.967.000 đồng tại khoản 1, Mục I, Điều 1.

- Buộc UBND thị xã P ban hành Quyết định bồi thường, hỗ trợ bổ sung đối với diện tích 1.248,3m^2 đất nông nghiệp, thuộc thửa đất 577, 636, tờ bản đồ 12, tọa lạc tại phường P theo giá đất cụ thể tại thời điểm ban hành Quyết định phê duyệt phương án mới cho ông V bà T3.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 77 của Luật đất đai;

Căn cứ mục 7 phần II của tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam số 05; quy trình thẩm định giá ban hành kèm theo thông tư số 05, 06, 07 thì thời hạn có hiệu lực của kết quả thẩm định giá tối đa không quá 06 tháng kể từ thời điểm chứng thư thẩm định giá có hiệu lực;

Giá đất năm 2020 so với giá đất năm 2022 có sự chênh lệch rất lớn.

Người bị kiện - Ủy ban nhân dân thị xã P trình bày:

1. Về việc quá trình thực hiện thủ tục thu hồi đất, phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với ông Hoàng Như V và bà Giang Thị Thanh T

Diện tích đất thu hồi của ông Hoàng Như V và bà Giang Thị Thanh T là 1.248,3m^2 đất nông nghiệp, thuộc thửa 577, 636, tờ bản đồ số 12 tại phường P.

Ngày 15/9/2020, UBND tỉnh B ban hành Quyết định số 2798/QĐ-UBND về việc phê duyệt giá đất cụ thể để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án Hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư P, phường P, thị xã P.

Ngày 25/4/2022, UBND thị xã P ban hành Quyết định số 627/QĐ-UBND về việc thu hồi đất để phát triển kinh tế-xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng của Ông Hoàng Như V và bà Giang Thị Thanh T4 dụng đất tại phường P để thực hiện dự án: Hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư P, phường P, thị xã P (Đ).

Ngày 25/4/2022, UBND thị xã P ban hành Quyết định số 634/QĐ-UBND về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho Ông Hoàng Như V và vợ là bà Giang Thị Thanh T5 chỉ: Khu phố T, phường P, thị xã P, tỉnh BR-VTthu hồi đất giao cho Ban QLDA Đầu tư Xây dựng thị xã P đầu tư xây dựng dự án: Hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư P, phường P, thị xã P (Đ). Tại quyết định này, U Quyết định phê duyệt giá đất cụ thể số 2798/QĐ-UBND ngày 15/9/2020 của UBND tỉnh để làm cơ sở tính bồi thường về đất cho ông Hoàng Như V và vợ là bà Giang Thị Thanh T6 thể:

"Bồi thường đất nông nghiệp bằng tiền: Đơn giá quyền sử dụng đất nông nghiệp đường phía Đông khu Tái định cư 44ha và những tuyến đường giao thông trong đô thị được trải nhựa, bê tông có chiều rộng lòng đường từ 4m trở lên thuộc Đường L - *Hệ số 0,5 - Vị trí 2, đơn giá là 1.967.000 đồng/m*^{2}".

Như vậy, Quyết định số 2798/QĐ-UBND ngày 15/9/2020 của UBND tỉnh đã khảo sát giá đất thực tế, do đó UBND thị xã căn cứ Quyết định số 2798/QĐ-UBND ngày 15/9/2020 để tính bồi thường về đất là đúng quy định.

2. Căn cứ pháp lý để ban hành Quyết định phê duyệt giá đất cụ thể tính bồi thường:

Tại khoản 2 Điều 74 Luật Đất đai về nguyên tắc bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất quy định "*2. Việc bồi thường được thực hiện bằng việc giao đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi, nếu không có đất để bồi thường thì được bồi thường bằng tiền theo giá đất cụ thể của loại đất thu hồi do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định tại thời điểm quyết định thu hồi đất."*

Tại khoản 3 Điều 114 Luật Đất đai năm 2013 quy định:

"3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định giá đất cụ thể. Cơ quan quản lý đất đai cấp tỉnh có trách nhiệm giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức việc xác định giá đất cụ thể. Trong quá trình thực hiện, cơ quan quản lý đất đai cấp tỉnh được thuê tổ chức có chức năng tư vấn xác định giá đất để tư vấn xác định giá đất cụ thể.

Việc xác định giá đất cụ thể phải dựa trên cơ sở điều tra, thu thập thông tin về thửa đất, giá đất thị trường và thông tin về giá đất trong cơ sở dữ liệu đất đai; áp dụng phương pháp định giá đất phù hợp. Căn cứ kết quả tư vấn xác định giá đất, cơ quan quản lý đất đai cấp tỉnh trình Hội đồng thẩm định giá đất xem xét trước khi trình Ủy ban nhân dân cùng cấp quyết định."

Căn cứ quy định pháp luật nêu trên, UBND thị xã P đã lập phương án giá đất cụ thể trình UBND tỉnh. Ngày 15/9/2020, UBND tỉnh B ban hành Quyết định số 2798/QĐ-UBND về việc phê duyệt giá đất cụ thể để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án Hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư P, phường P, thị xã P là đúng quy định.

3. Về quy trình bồi thường theo quy định của Luật Đất đai:

Tại Điều 28 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và thời gian niêm yết, lấy ý kiến như sau:

"Điều 28. Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án không thuộc trường hợp quy định tại Điều 17 của Nghị định này

1. Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia,

công cộng mà không thuộc trường hợp quy định tại Điều 17 của Nghị định này gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Họ và tên, địa chỉ của người có đất thu hồi;

b) Diện tích, loại đất, vị trí, nguồn gốc của đất thu hồi; số lượng, khối lượng, giá trị hiện có của tài sản gắn liền với đất bị thiệt hại;

c) Các căn cứ tính toán số tiền bồi thường, hỗ trợ như giá đất tính bồi thường, giá nhà, công trình tính bồi thường, số nhân khẩu, số lao động trong độ tuổi, số lượng người được hưởng trợ cấp xã hội;

d) Số tiền bồi thường, hỗ trợ;

đ) Chi phí lập và tổ chức thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng;

e) Việc bố trí tái định cư;

g) Việc di dời các công trình của Nhà nước, của tổ chức, của cơ sở tôn giáo, của cộng đồng dân cư;

e) Việc di dời mồ mả.

2. Việc lấy ý kiến về phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư quy định tại khoản 1 Điều này thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 69 của Luật đất đai và phải niêm yết, tiếp nhận ý kiến đóng góp của người dân trong khu vực có đất thu hồi ít nhất là 20 ngày, kể từ ngày niêm yết."

Tại khoản 2, khoản 3 Điều 69 Luật Đất đai năm 2013 quy định trình tự, thủ tục thu hồi đất như sau:

"2. Lập, thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được quy định như sau:

a. Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng có trách nhiệm lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất thu hồi tổ chức lấy ý kiến về phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo hình thức tổ chức họp trực tiếp với người dân trong khu vực có đất thu hồi, đồng thời niêm yết công khai phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã, địa điểm sinh hoạt chung của khu dân cư nơi có đất thu hồi.

Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng có trách nhiệm tổng hợp ý kiến đóng góp bằng văn bản, ghi rõ số lượng ý kiến đồng ý, số lượng ý kiến không đồng ý, số lượng ý kiến khác đối với phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất thu hồi tổ chức đối thoại đối với trường hợp còn có ý kiến không đồng ý về phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; hoàn chỉnh phương án trình cơ quan có thẩm quyền;

a. Cơ quan có thẩm quyền thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trước khi trình Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền quyết định thu hồi đất.

3. Việc quyết định thu hồi đất, phê duyệt và tổ chức thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được quy định như sau:

a) Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền quy định tại Điều 66 của Luật này quyết định thu hồi đất, quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trong cùng một ngày;"

Căn cứ các quy định nêu trên thì sau khi có giá đất cụ thể do UBND cấp tỉnh quyết định thì cơ quan có thẩm quyền mới có căn cứ pháp lý để lập, thẩm định, niêm yết công khai và lấy ý kiến người dân về phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư. Sau khi hoàn tất thủ tục này thì UBND cấp có thẩm quyền quy định tại Điều 66 của Luật Đất đai năm 2013 quyết định thu hồi đất, quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trong cùng một ngày.

Qua rà soát các quy định của Luật Đất đai năm 2013 và Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ thì không có quy định về việc ban hành quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư phải trong thời hạn 06 tháng có hiệu lực của Chứng thư kết quả tư vấn xác định giá đất; chỉ quy định bồi thường bằng tiền theo giá đất cụ thể của loại đất thu hồi do UBND cấp tỉnh quyết định.

UBND thị xã P nhận thấy việc ban hành Quyết định số 634/QĐ-UBND ngày 25/4/2022 là đúng theo quy định. Do vậy, nội dung khởi kiện của ông Hoàng Như V và bà Giang Thị Thanh T là không có cơ sở. Đề nghị Toà án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Như V và bà Giang Thị Thanh T.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 88/2023/HC-ST ngày 13 tháng 7 năm 2023, Toà án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, Điều 157, Điều 158, điểm b khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính; khoản 2 Điều 74 Luật Đất đai; khoản 2 Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Như V*, bà* Giang Thị Thanh T*:*

- Hủy một phần (khoản 1/Bồi thường về đất của mục I Điều 1) Quyết định số 634/QĐ-UBND ngày 25-4-2022 của UBND thị xã P *về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho ông* Hoàng Như V *và bà* Giang Thị Thanh T*, địa chỉ:* Khu phố T, phường P, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu *để thu hồi đất giao cho* Ban QLDA Đầu tư Xây dựng thị xã P *đầu tư xây dựng dự án: Hạ tầng kỹ thuật* khu tái định cư P, phường P, thị xã P (Đ*).*

- *Buộc* Ủy ban nhân dân thị xã P *bồi thường cho ông* Hoàng Như V*, bà* Giang Thị Thanh T *theo giá đất cụ thể của loại đất thu hồi tại thời điểm quyết định thu hồi đất.*

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 11 tháng 8 năm 2023, người bị kiện Ủy ban nhân dân thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án hành chính sơ thẩm, bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông V.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Hoàng Như V trình bày: Thừa nhận diện tích đất nông nghiệp 1.248,3m^2 được bồi thường theo quyết định số 634/QĐ-UBND ngày 25/4/2022 của UBND thị xã P đúng với vị trí nêu tại quyết định áp giá bồi thường số 2798/QĐ-UBND ngày 15/9/2020 của UBND tỉnh B (vị trí thứ 02, đường loại 03, hệ số 05) và giá bồi thường 1.967.000 đồng/m^2 cũng theo giá đất được quy định tại quyết định số 2798/QĐ-UBND này. Nhưng khi ban hành quyết định 634 để bồi thường giá trị đất cho gia đình ông V là sau 19 tháng kể từ khi ban hành quyết định số 2798/QĐ-UBND nên giá bồi thường không còn phù hợp với giá thị trường, vì thời điểm ban hành quyết định 634 giá đất thị trường biến động tăng. Việc Ủy ban nhân dân thị xã P cứ vào quyết định số 2798/QĐ-UBND để áp giá bồi thường cho gia đình ông V là thiệt thòi cho gia đình ông V. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của Ủy ban nhân dân thị xã P, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ông Phạm Hoàng V1 trình bày: Về vị trí và đơn giá bồi thường diện tích đất nông nghiệp 1.248,3m^2 theo quyết định số 634/QĐ-UBND ngày 25/4/2022 của UBND thị xã P đúng với nội dung tại quyết định áp giá bồi thường số 2798/QĐ-UBND ngày 15/9/2020 của UBND tỉnh B (vị trí thứ 02, đường loại 03, hệ số 05 giá 1.967.000 đồng/m^2). Từ năm 2020 đến năm 2022 ảnh hưởng dịch Covid nên giá đất không biến động, có nhiều nơi biến động giảm, nên Ủy ban nhân dân tỉnh B – Vũng tàu không có điều chỉnh tăng giá đất. Khi Ủy ban nhân dân thị xã P ban hành quyết định số 634/QĐ-UBND ngày 25/4/2022 để bồi thường cho gia đình ông V là căn cứ vào quyết định đang có hiệu lực thi hành đó là Quyết định số 2798/QĐ-UBND ngày 15/9/2020 của UBND tỉnh B để áp giá bồi thường. Như vậy, việc Ủy ban nhân dân thị xã P áp giá giá 1.967.000 đồng/m^2 để bồi thường cho ông V diện tích đất nông nghiệp 1.248,3m^2 là đúng quy định của pháp luật. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của Ủy ban nhân dân thị xã P, sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của ông V.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh:

- Về thủ tục: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng theo quy định của Luật tố tụng hành chính. Tại phiên tòa người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng chấp hành đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Như V, bà Giang Thị Thanh T là có căn cứ nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông V, tuyên Hủy một phần Quyết định số 634/QĐ-UBND ngày 25/4/2022 của UBND thị xã P về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư và buộc UBND thị xã P bồi thường cho ông Hoàng Như V và bà Giang Thị Thanh T theo giá đất tại thời điểm quyết định thu hồi đất. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của Ủy ban nhân dân thị xã P, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo, nghĩa vụ đóng tạm ứng án phí, đương sự đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

[1.2] Tại phiên toà phúc thẩm, người bị kiện vắng mặt tuy nhiên người bị kiện đã có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[1.3] Về thời hiệu khởi kiện: Tòa án cấp sơ thẩm xác định ông Hoàng Như V khởi kiện quyết định số 634/QĐ-UBND ngày 25/4/2022 của UBND thị xã P còn trong thời hiệu khởi kiện là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về thẩm quyền, trình tự thủ tục ban hành quyết định số 634/QĐ-UBND ngày 25/4/2024 của UBND thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu là đúng quy định pháp luật.

[2.2] Ông Hoàng Như V khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy một phần quyết định số 634/QĐ-UBND ngày 25/4/2022 của UBND thị xã P đối với phần nội dung quyết định về giá bồi thường đất đã thu hồi của gia đình ông Hoàng Như V diện tích 1.248,3m^2, thuộc thửa đất 577, 636, tờ bản đồ 12, tọa lạc tại phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

[2.3] Về phía UBND thị xã P xác định việc ban hành quyết định số 634/QĐ-UBND ngày 25/4/2022, áp giá bồi thường theo Quyết định số 2798/QĐ-UBND ngày 15/9/2020 của UBND tỉnh B là đúng quy định pháp luật, nên đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của UBND thị xã P, bác yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Như V.

[2.4] Xét kháng cáo của Ủy ban nhân dân thị xã P.

Tại phiên toà phúc thẩm, người đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện ông Trần Văn A và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện đều thừa nhận diện tích đất nông nghiệp 1.248,3m^2 được bồi thường theo quyết định số 634/QĐ-UBND ngày 25/4/2022 của UBND thị xã P về vị trí đất đúng như nêu tại quyết định áp giá bồi thường số 2798/QĐ-UBND ngày 15/9/2020 của UBND tỉnh B (vị trí thứ 02, đường loại 03, hệ số 05) và thừa nhận gia đình ông Hoàng Như V được bồi thường 1.967.000đ/m^2 đúng theo giá đất được quy định tại quyết định số 2798/QĐ-UBND ngày 15/9/2020 của UBND tỉnh B.

Hội đồng xét xử xét thấy, Quyết định số 2798/QĐ-UBND ngày 15/9/2020 của UBND tỉnh B ban hành tính đến khi Ủy ban nhân dân thị xã P ban hành quyết định thu hồi đất số 627/QĐ-UBND ngày 25/4/2022 là sau 19 tháng, nhưng sau đó đến ngày 25/11/2022, UBND tỉnh B mới ban hành quyết định số 3629/QĐ-UBND ngày 25/11/2022 về việc phê duyệt giá đất cụ thể để tính bồi thường cho các họ dân còn lại thuộc dự án này (cùng dự án thu hồi đất của gia đình ông V), về vị trí đất cũng tương đương như vị trí đất thu hồi của ông V (vị trí thứ 02, đường L, hệ số E, phường P) thì giá đất bồi thường theo quyết định số 3629/QĐ-UBND là 1.999.000đ/m^2, có tăng 32.000đ/m^2 so với Quyết định số 2798/QĐ-UBND ngày 15/9/2020. Tuy nhiên, tại thời điểm ban hành quyết định số 634/QĐ-UBND ngày 25/4/2022 của UBND thị xã P thì quyết định số 2798/QĐ-UBND ngày 15/9/2020 của UBND tỉnh B vẫn đang còn hiệu lực thi hành, chưa có quyết định nào thay thế quyết định này. Do đó, việc UBND thị xã P căn cứ vào quyết định số 2798/QĐ-UBND ngày 15/9/2020 của UBND tỉnh B để bồi thường cho ông V đối với diện tích đất thu hồi 1.248,3m^2 với giá 1.967.000 đồng/m^2 là phù hợp.

[2.3] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là không có căn cứ. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của Ủy ban nhân dân thị xã P, sửa bản án sơ thẩm, bác toàn bộ đơn khởi kiện của ông Hoàng Như V và bà Giang Thị Thanh T.

[3] Về án phí: Do Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của Ủy ban nhân dân thị xã P, bác yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Như V nên ông V phải chịu án phí hành chính sơ thẩm. Ủy ban nhân dân thị xã P không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm và án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính;

Căn cứ Luật Đất đai 2013;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người bị kiện Ủy ban nhân dân thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; sửa bản án sơ thẩm.

2. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Như V và bà Giang Thị Thanh T đối với các yêu cầu:

Hủy một phần (khoản 1/Bồi thường về đất của mục I Điều 1) Quyết định số 634/QĐ-UBND ngày 25/4/2022 của UBND thị xã P về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho ông Hoàng Như V và bà Giang Thị Thanh T; Buộc Ủy ban nhân dân thị xã P bồi thường cho ông Hoàng Như V, bà Giang Thị Thanh T theo giá đất cụ thể của loại đất thu hồi tại thời điểm quyết định thu hồi đất đối với khu đất tại khu phố T, phường P, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu để thu hồi đất giao cho Ban quản lý dự án Đầu tư Xây dựng thị xã P đầu tư xây dựng dự án Hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư P, phường P, thị xã P (Đ).

3. Về án phí:

3.1. Án phí hành chính sơ thẩm: Ông Hoàng Như V phải chịu 300.000 đồng. Số tiền 300.000đ ông Hoàng Như V và bà Giang Thị Thanh T đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 000465 ngày 11/10/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu được khấu trừ vào tiền án phí ông V, bà G phải nộp.

3.2. Án phí hành chính phúc thẩm: Ủy ban nhân dân thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu không phải chịu. Trả lại cho Ủy ban nhân dân thị xã P 300.000đ theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006196 ngày 21/8/2029 của Cục Thi hành án tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

- Tòa án nhân dân tối cao; (1)
- VKSNDCC tại TP.Hồ Chí Minh; (1)
- TANDtỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; (1)
- VKSND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; (1)
- Cục THADS Bà Rịa – Vũng Tàu; (1)
- Người khởi kiện; (1)
- Người bị kiện; (1)
- NCQLNVLQ; (1)
- Lưu VT (5), HS (2) (BA- LMA).

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Ngọc Huynh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Văn Yên **Phạm Trí Tuấn** **Vũ Ngọc Huynh**